

PHỤ LỤC 2

SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Kèm theo Tờ trình số ... /18/TTr/S3-HĐQT, ngày ... tháng ... năm 2018)

Mục đích sửa đổi:

Việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được xây dựng dựa trên cơ sở tham chiếu mẫu Quy chế nội bộ về quản trị tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính (*gọi tắt là Thông tư 95/2017*) và phù hợp với nhu cầu thực tế hoạt động, quản trị điều hành của Công ty.

Căn cứ sửa đổi:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014 (*gọi tắt là Luật DN 2014*);
- Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (*gọi tắt là Nghị định 71/2017*);
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều Nghị định 71/2017;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Sông Ba và tình hình thực tế hoạt động Công ty.

Nội dung sửa đổi cụ thể như sau:

Chữ viết tắt được sử dụng nêu tại Phụ lục sửa đổi:

- “Công ty” là Công ty Cổ phần Sông Ba;
- “Đại hội đồng cổ đông” : ĐHĐCĐ;
- “Hội đồng quản trị” : HĐQT;
- “Ban Kiểm soát” : BKS;
- “Kiểm soát viên” : KSV;
- “Ban Tổng giám đốc/Tổng giám đốc”: BTGD/TGD.

TT	Quy chế quản trị hiện hành	Quy chế quản trị sửa đổi	Diễn giải
CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG			
<p>Điều 1 Sửa đổi các khoản 1.1, 1.2, 1.3</p>	<p>Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh:</p> <p>1.1 Quy chế này được xây dựng theo Quyết định số 12/2007/QĐ-BTC ngày 13/03/2007 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy chế quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết.</p> <p>1.2 Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của công ty.</p> <p>1.3 Các quy định về Quản trị Công ty trong Quy chế này được ưu tiên áp dụng để điều chỉnh các quan hệ có nội dung liên quan đến quản trị Công ty.</p>	<p>Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng:</p> <p>1.1 Phạm vi điều chỉnh</p> <p>Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên HĐQT, BKS và Cán bộ quản lý khác của Công ty.</p> <p>Những nội dung nào trong Quy chế này chưa quy định sẽ được điều chỉnh bởi những quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Thông tư của Bộ Tài chính về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng và các văn bản liên quan theo quy định của Pháp luật Việt Nam.</p> <p>1.2 Đối tượng áp dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên HĐQT, BKS; - Ban điều hành Công ty: TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng; và người điều hành khác theo quy định Điều lệ Công ty; - Các tiểu ban thuộc HĐQT (nếu có); - Cán bộ quản lý khác của Công ty. 	<p>Sửa đổi tên Điều 1; Sửa đổi và làm rõ thêm về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng phù hợp với Nghị định 71/2017 và tình hình thực tế hoạt động Công ty, các quy định khác liên quan.</p>
<p>Điều 2</p>	<p>Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt:</p>	<p>Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt:</p>	
<p>Sửa đổi, bổ sung các khoản 2.1, 2.2</p>	<p>2.1 Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a. “Công ty” là Công ty cổ phần Sông Ba.</p> <p>b. “Quản trị công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo cơ cấu quản trị hiệu quả; - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông ; - Đối xử công bằng giữa các cổ đông; - Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan 	<p>2.1 Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a) “Quản trị công ty” là hệ thống các quy tắc, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý; - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, BKS; - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan; - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông; - Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty. <p>b) “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán;</p>	<p>Phù hợp với Điều 2 Nghị định 71/2017 và tình hình thực tế hoạt động Công ty.</p>

	<p>đến công ty;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Minh bạch trong hoạt động của công ty; - Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát công ty có hiệu quả. <p>c. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán;</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc cổ đông lớn của công ty.</p> <p>2.2 Chữ viết tắt:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. “Đại hội đồng cổ đông”: ĐHĐCĐ b. “Hội đồng quản trị”: HĐQT c. “Ban kiểm soát”: BKS d. “Ban Tổng Giám đốc”: BTGD 	<p>c) Thành viên HĐQT không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;</p> <p>d) Thành viên độc lập HĐQT là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>e) Người điều hành doanh nghiệp là TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.</p> <p>2.2. Chữ viết tắt:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) “Công ty” là Công ty Cổ phần Sông Ba; b) “Đại hội đồng cổ đông” : ĐHĐCĐ; c) “Hội đồng quản trị” : HĐQT; d) “Ban Kiểm soát” : BKS; e) “Kiểm soát viên” : KSV; f) “Ban Tổng giám đốc/Tổng giám đốc”: BTGD/TGD. 	
--	--	--	--

CHƯƠNG II: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

	Quyền của cổ đông	Quyền của cổ đông	
<p>Điều 3 (Sửa đổi, bổ sung)</p>	<p>3.1. Cổ đông có đầy đủ các quyền theo quy định của luật Doanh nghiệp, của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt là:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; b. Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty. <p>3.2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị không thực hiện các quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật nêu trên gây tổn</p>	<p>3.1 Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</p> <p>3.2 Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ; c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành; d) Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ 	<p>Phù hợp với Điều 4 Nghị định 71/2017, Điều lệ Công ty và Phụ lục 2 của Thông tư 95/2017 .</p>

<p>hại tới công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc phải đền bù cho công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu công ty bồi thường theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định.</p> <p>3.3. Cổ đông có quyền từ chối quyền ưu tiên mua trước cổ phần mới chào bán. Điều này được nêu rõ trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>3.4. Công ty có trách nhiệm xây dựng cơ cấu quản trị công ty hợp lý, xây dựng hệ thống liên lạc hiệu quả với các cổ đông để đảm bảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Cổ đông thực hiện đầy đủ các quyền theo pháp luật và Điều lệ Công ty quy định; b. Cổ đông được đối xử công bằng. <p>3.5. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>phần phổ thông mà họ sở hữu;</p> <ol style="list-style-type: none"> e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; f) Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ; g) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp ĐHĐCĐ và nghị quyết ĐHĐCĐ; h) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật; i) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp; j) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. <p>3.3 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Đề cử các ứng viên HĐQT hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và 36 Điều lệ Công ty; b) Yêu cầu HĐQT thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp; c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời 	
--	---	--

		điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;	
	(Điều 4, 5)	Bỏ	Phụ lục 2 mẫu Quy chế của Thông tư 95/2017 không quy định.
Điều 4 (Điều 6 trước khi sửa đổi)	Trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên và bất thường	Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại ĐHCĐ	Phù hợp hướng dẫn mẫu Quy chế của Thông tư 95/2017.
	<p>Công ty quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại ĐHCĐ gồm các nội dung chính sau:</p> <p>6.1. Triệu tập ĐHCĐ.</p> <p>a. Hàng năm, Công ty tổ chức ĐHCĐ ít nhất một lần. ĐHCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. HĐQT triệu tập họp ĐHCĐ thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, hoặc không quá 6 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính nếu được cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn.</p> <p>b. ĐHCĐ bất thường được triệu tập họp trong các trường hợp theo quy định tại Mục 3 và 4 Điều 14, Điều lệ Công ty.</p> <p>6.2. Gửi thông báo họp ĐHCĐ:</p> <p>Thông báo họp ĐHCĐ phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty, 01 tờ báo trung ương. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp ĐHCĐ được gửi cho cổ đông qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp ĐHCĐ có thể được gửi tới số fax hoặc địa</p>	<p>4.1). Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật chứng khoán áp dụng cho các công ty niêm yết.</p> <p>4.2). Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm;</p> <p>a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p>	<p>Theo Điều 136 Luật DN 2014; phù hợp với Điều 18 Điều lệ Công ty.</p>

	<p>chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, Công ty thông báo cho họ tại nơi làm việc. Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được gửi trước ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí). Thông báo họp ĐHĐCĐ được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.</p>	<p>c) Phiếu biểu quyết; d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp. e) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp.</p>	
<p>Điều 5 (là Điều 7 trước khi sửa đổi)</p>	<p>Quyền và cách thức đăng ký họp ĐHĐCĐ</p> <p>7.1. Các cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.</p> <p>7.2. Công ty có trách nhiệm hướng dẫn thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông theo quy định.</p> <p>7.3. Vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ, trước khi Đại hội bắt đầu, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký, kiểm tra tư cách cổ đông và thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt được đăng ký hết.</p>	<p>Cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ</p> <p>5.1 Cổ đông có quyền tham dự trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua người ủy quyền vào các cuộc họp ĐHĐCĐ. Cổ đông có thể ủy quyền đại diện tham dự ĐHĐCĐ hoặc bỏ phiếu từ xa bằng thư đảm bảo. Công ty có trách nhiệm hướng dẫn thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông theo quy định. Cổ đông có thể ủy quyền cho HĐQT hoặc tổ chức lưu ký làm đại diện cho mình tại cuộc họp ĐHĐCĐ.</p> <p>5.2 Vào ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ, trước khi cuộc họp ĐHĐCĐ bắt đầu, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký, kiểm tra tư cách cổ đông và thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt được đăng ký hết.</p> <p>5.3 Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán có thể được mời tham dự họp ĐHĐCĐ để phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ về các vấn đề kiểm toán.</p> <p>5.4 Cổ đông đến dự họp ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham dự họp và biểu quyết ngay tại cuộc họp. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.</p> <p>5.5 Nhằm tăng cường hiệu quả các cuộc họp ĐHĐCĐ, Công ty áp dụng tối đa công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp ĐHĐCĐ một cách tốt nhất.</p>	<p>Phù hợp với hướng dẫn mẫu Quy chế của Thông tư 95/2017; phù hợp với Điều 13, Điều 20 Điều lệ Công ty, Luật DN 2014.</p>
<p>Điều 6 (Điều 8 trước khi sửa đổi)</p>	<p>Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu tại ĐHĐCĐ</p> <p>8.1. Điều kiện và thể thức tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Điều lệ Công ty. Khi</p>	<p>Cách thức biểu quyết bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả</p> <p>6.1 Khi đăng ký cổ đông để tham gia họp ĐHĐCĐ, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện ủy quyền có quyền biểu</p>	<p>Phù hợp với mẫu Quy chế của Thông tư 95/2017; Điều 20, 21 Điều lệ Công ty, Luật DN 2014.</p>

	<p>đăng ký tham gia đại hội, mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông/nhóm cổ đông tham gia biểu quyết, bầu cử được phát các phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử đại diện cho số cổ phần sở hữu.</p> <p>8.2. Phiếu biểu quyết và cách thức biểu quyết tại ĐHĐCĐ: Hình thức, nội dung phiếu biểu quyết, cách thức biểu quyết tại ĐHĐCĐ được thể hiện cụ thể tại Quy chế biểu quyết được thông qua trước ĐHĐCĐ theo nguyên tắc đảm bảo quyền biểu quyết của Cổ đông hoặc đại diện cổ đông/nhóm cổ đông tham gia biểu quyết; tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm phiếu được khẩn trương chính xác và phù hợp với quy định hiện hành của Pháp luật.</p> <p>8.3. Phiếu bầu cử và cách thức bầu cử tại ĐHĐCĐ: Hình thức, nội dung phiếu bầu cử, cách thức bầu cử tại ĐHĐCĐ được thể hiện cụ thể tại Quy chế bầu cử được thông qua trước ĐHĐCĐ theo nguyên tắc đảm bảo quyền bầu cử của Cổ đông hoặc đại diện cổ đông/nhóm cổ đông tham gia bầu cử; tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm phiếu được khẩn trương chính xác và phù hợp với quy định hiện hành của Pháp luật.</p> <p>8.4. Nguyên tắc bầu thành viên HĐQT, BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu cử tương ứng với với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT, BKS và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p> <p>8.5. Chủ tọa đại hội sẽ đề cử thành phần Ban kiểm phiếu và lấy ý kiến biểu quyết thông qua của đại hội. Số thành viên Ban kiểm phiếu không quá 3 người.</p> <p>8.6. Kết quả kiểm phiếu được Ban Kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ.</p>	<p>quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.</p> <p>6.2 Khi tiến hành biểu quyết tại ĐHĐCĐ, số thẻ biểu quyết tán thành được thu trước, số thẻ biểu quyết không tán thành được thu sau. Khi bầu thành viên HĐQT, BKS theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông được cấp một phiếu bầu cử do Công ty phát hành, trên đó có ghi danh sách của các ứng viên. Thẻ thức bầu cử sẽ được Chủ tọa thông báo đến ĐHĐCĐ trước khi thực hiện theo quy định.</p> <p>6.3 Chủ tọa cuộc họp sẽ đề cử thành phần Ban kiểm phiếu và lấy ý kiến biểu quyết thông qua của ĐHĐCĐ. Số thành viên Ban kiểm phiếu không quá ba (03) người để thực hiện.</p> <p>6.4 Kết quả kiểm phiếu: a) Ban kiểm phiếu sẽ tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến và báo cáo kết quả kiểm phiếu cho Chủ tọa để công bố trước khi bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ; b) Kết quả kiểm phiếu sẽ được lập thành biên bản và có đầy đủ chữ ký xác nhận của các thành viên Ban kiểm phiếu.</p> <p>6.5 Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông: Theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.</p>	
<p>Điều 7, 8, 9 (là Điều 9, 10, 11 trước khi</p>	<p>Điều 9: Thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ : Các quyết định được ĐHĐCĐ thông qua theo trình tự thủ tục và hình thức luật định được gọi là Nghị quyết của</p>	<p>Điều 7: Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ 7.1 Chủ tọa cử một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký lập biên</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung và sắp xếp lại cho hợp lý. Phù hợp với mẫu Quy chế của</p>

<p><i>sửa đổi)</i></p>	<p>ĐHĐCĐ.</p> <p>Nghị quyết ĐHĐCĐ có thể được thông qua theo hai hình thức: biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>9.1. Biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp: Là việc biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp bằng Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử theo Quy chế biểu quyết và Quy chế bầu cử của Công ty được thông qua trước ĐHĐCĐ phù hợp với Quy định của pháp luật.</p> <p>9.2. Thông qua các quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:</p> <p>Trong trường hợp phê duyệt thông qua các quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì thủ tục được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.</p> <p>9.3. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.</p> <p>9.4. Điều kiện thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ được quy định chi tiết tại Điều 21, Điều lệ Công ty.</p> <p>9.5. Nghị quyết của ĐHĐCĐ là căn cứ pháp lý thể hiện quan điểm, ý chí của cổ đông đối với các vấn đề liên quan đến tổ chức, hoạt động của Công ty thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.</p> <p>9.6. Nghị quyết của ĐHĐCĐ cùng các tài liệu liên quan đến việc thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được lưu giữ tại Trụ sở Công ty và được cung cấp đầy đủ cho cổ đông và các đối tượng có liên quan khi có yêu cầu hợp lệ</p> <p>Điều 10: Thông báo nghị quyết ĐHĐCĐ ra công chúng</p> <p>10.1. Việc thông báo Nghị quyết ĐHĐCĐ ra công chúng tuân thủ các quy định về công bố thông tin.</p> <p>10.2. Việc Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu có liên quan được đăng tải tại trang Web của Công ty và/hoặc trang thông tin điện tử của Cơ quan Nhà nước quản lý đồng nghĩa với việc Công ty đã thực hiện nghĩa vụ thông báo Nghị quyết ĐHĐCĐ tới cổ đông Công ty.</p>	<p>bản cuộc họp ĐHĐCĐ.</p> <p>7.2 Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ; Chương trình và nội dung cuộc họp; Họ, tên chủ tọa và thư ký; Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp; Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng; Chữ ký của Chủ tọa và thư ký. <p>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p>7.3 Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.</p> <p>7.4 Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> <p>Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi</p>	<p>Thông tư 95/2017; phù hợp với Điều 22, 23 Điều lệ Công ty và Luật DN 2014.</p>
------------------------	---	---	---

	<p>Điều 11: Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ</p> <p>11.1. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>11.2. Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ phải chịu trách nhiệm lập biên bản họp và thông báo tới các cổ đông (Bằng cách đăng đầy đủ tại trang Web của Công ty) trong vòng 15 ngày khi ĐHĐCĐ kết thúc và biên bản này sẽ được xem là minh chứng về các nội dung của cuộc họp, ngoại trừ có sự phản đối được đưa ra một cách hợp lệ đối với nội dung của biên bản họp trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày được đăng tải.</p> <p>11.3. Biên bản họp ĐHĐCĐ, Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</p>	<p>kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>Điều 8: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ</p> <p>8.1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;</p> <p>8.2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 18.3 Điều 18 Điều lệ Công ty.</p> <p>8.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b) Mục đích lấy ý kiến; c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua; e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến; f) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; 	
--	---	--	--

		<p>g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của công ty;</p> <p>8.4 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức;</p> <p>Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty theo hình thức quy định tại khoản 22.5 Điều 22 Điều lệ Công ty.</p> <p>8.5 HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết; c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề; e) Các vấn đề đã được thông qua; f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu. <p>Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>8.6 Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin</p>	
--	--	---	--

		<p>điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>8.7 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</p> <p>8.8 Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Điều 9: Thông báo nghị quyết của ĐHĐCĐ ra công chúng</p> <p>Công ty có trách nhiệm thông báo nghị quyết của ĐHĐCĐ ra công chúng theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và quy định của Pháp luật.</p>	
Điều 10	Chưa quy định	Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ	
		<p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 12.3 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>10.1 Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 21.4 Điều 21 Điều lệ Công ty;</p> <p>10.2 Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty;</p> <p>Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp ĐHĐCĐ trong vòng (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p>	Phù hợp với mẫu Quy chế Thông tư 95/2017; Điều 24 Điều lệ Công ty và Luật DN 2014.

	(Điều 12: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại ĐHCĐ; Điều 13: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại ĐHCĐ)	Bỏ	Phụ lục 2 của mẫu Quy chế của Thông tư 95/2017 không quy định
CHƯƠNG III	THÀNH VIÊN HĐQT VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	THÀNH VIÊN HĐQT CÔNG TY	
Điều 11 (Điều 14 trước khi sửa đổi)	Tư cách thành viên Hội đồng quản trị	Tư cách thành viên HĐQT	Theo quy định tại Điều 12 Nghị định 71/2017.
	<p>14.1. Thành viên Hội đồng quản trị là những người mà pháp luật và Điều lệ công ty không cấm làm thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>14.2. Để đảm bảo có sự tách biệt giữa vai trò giám sát và điều hành công ty, công ty cần hạn chế thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức vụ trong bộ máy điều hành của công ty.</p> <p>14.3. Thành viên Hội đồng quản trị công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác.</p> <p>14.4. Chủ tịch Hội đồng quản trị được kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p>	<p>Tiêu chuẩn và điều kiện là thành viên HĐQT:</p> <p>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp 2014;</p> <p>b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác;</p> <p>c) Thành viên HĐQT công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác.</p> <p>d) Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT khác liên quan quy định tại Điều 151 Luật DN 2014 và Điều lệ Công ty.</p>	
Điều 12 (là Điều 15 trước khi sửa đổi)	Ứng cử, đề cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị	Ứng cử, đề cử và bầu thành viên HĐQT	Theo quy định tại Điều 11 Nghị định 71/2017; phù hợp Điều 25 Điều lệ Công ty.
	<p>15.1. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.</p> <p>15.2. Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>15.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p>	<p>12.1 Cách ứng cử, đề cử thành viên HĐQT:</p> <p>a) Cổ đông/nhóm cổ đông đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT;</p> <p>b) Trường hợp số lượng các ứng viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng viên mà họ được quyền đề cử theo qui định thì số ứng viên còn lại do HĐQT đề cử. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định và phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p> <p>c) Tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp</p>	

	<p>15.4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p> <p>15.5. Trình tự thủ tục, cách thức bầu cử HĐQT được Công ty quy định và hướng dẫn cụ thể cho cổ đông tại Quy chế bầu cử thông qua trước ĐHĐCĐ</p>	<p>ĐHĐCĐ, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT (trường hợp đã xác định được trước ứng viên) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu bầu.</p> <p>Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; - Trình độ chuyên môn; - Quá trình công tác; - Các lợi ích có liên quan tới Công ty; - Tên các công ty mà các ứng viên đang nắm giữ chức vụ quản lý; - Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty. <p>12.2 Cách thức bầu thành viên HĐQT:</p> <p>a) Việc bỏ phiếu bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc phân chia số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên khác.</p> <p>b) Trình tự thủ tục, cách thức bầu cử HĐQT được Công ty quy định và hướng dẫn cụ thể cho cổ đông tại Quy chế bầu cử thông qua trước ĐHĐCĐ.</p>	
<p>Điều 13 (là Điều 16 trước khi sửa đổi)</p>	<p>Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị</p> <p>16.1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là bảy (07) người, trong đó một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập không điều hành.</p> <p>16.2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là bốn (04) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá bốn (04) năm; Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>16.3. Trong trường hợp một thành viên không còn tư cách thành viên HĐQT theo quy định tại Mục 4 Điều 25 Điều lệ công ty, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một thành viên mới</p>	<p>Thành phần và nhiệm kỳ của HĐQT</p> <p>13.1 Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>13.2 Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>13.3 Khi số thành viên HĐQT bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo</p>	<p>Theo quy định tại Điều 13 Nghị định 71/2017; phù hợp Điều 14 và 26 Điều lệ Công ty.</p>

	<p>thay thế. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế trong trường hợp này phải được biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất theo quy định tại Mục 6 Điều 25, Điều lệ Công ty.</p> <p>16.4. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>16.5. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.</p>	<p>quy định tại khoản 1, 2 Điều 156 Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ Công ty thì Công ty thực hiện bầu bổ sung thành viên HĐQT theo quy định khoản 3 Điều 156 Luật Doanh nghiệp 2014 và quy định liên quan tại Điều lệ Công ty.</p>	
Điều 14	<i>(Điều 16 Quy chế hiện hành chưa quy định cụ thể)</i>	Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	
		<p>Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau đây:</p> <p>14.1 Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>14.2 Có đơn từ chức;</p> <p>14.3 Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>14.4 Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>14.5 Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>14.6 Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</p> <p>14.7 Các trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.</p>	<p>Phù hợp mẫu Quy chế của Thông tư 95/2017; Điều 26 Điều lệ Công ty và Luật DN 2014.</p>
Điều 15	<i>(Điều 16 Quy chế hiện hành chưa quy định cụ thể)</i>	Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	<p>Phù hợp với mẫu Quy chế của Thông tư 95/2017, Điều lệ Công ty và quy định của Luật chứng khoán.</p>
	<i>(Điều 17. Trách nhiệm, nghĩa vụ của thành viên HĐQT; Điều 18. Trách nhiệm, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị)</i>	<i>Bỏ</i>	<i>Phụ lục 2 của mẫu Quy chế của Thông tư 95/2017 không quy định.</i>
CHƯƠNG IV	<i>Chưa quy định cụ thể</i>	HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY	

	Hợp HĐQT và biên bản họp HĐQT: (Là Điều 16 của Quy chế trước khi sửa đổi)	<i>Được cập nhật, sửa đổi thành các Điều (từ Điều 16 đến Điều 19) như nêu dưới đây cho phù hợp với mẫu Quy chế:</i>	
Điều 16	Chưa quy định rõ	<p>Thông báo họp HĐQT:</p> <p>16.1 Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT, các Kiểm soát viên ít nhất (5) năm ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của các thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>16.2 Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT và Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.</p>	Phù hợp với mẫu Quy chế của Thông tư 95/2017, Điều 30 Điều lệ Công ty.
Điều 17	Chưa quy định rõ	<p>Điều kiện tổ chức họp HĐQT Công ty</p> <p>17.1 Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.</p> <p>17.2 Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.</p>	Phù hợp với mẫu Quy chế của Thông tư 95/2017 và Điều 30 Điều lệ Công ty.
Điều 18	Chưa quy định rõ	<p>Cách thức biểu quyết</p> <p>18.1 Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30 Điều lệ Công ty, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>18.2 Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên</p>	Phù hợp với mẫu Quy chế của Thông tư 95/2017 và Điều 30 Điều lệ Công ty.

		<p>quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>18.3 Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30 Điều lệ Công ty, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p> <p>18.4 Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;</p> <p>18.5 Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>	
Điều 19	Chưa quy định rõ	<p>Cách thức thông qua nghị quyết HĐQT</p> <p>19.1 HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.</p> <p>19.2 Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.</p>	Phù hợp với mẫu Quy chế của Thông tư 95/2017 và Điều 30 Điều lệ Công ty.
Điều 20	Chưa quy định rõ	<p>Ghi biên bản họp và thông báo nghị quyết HĐQT</p> <p>Biên bản họp HĐQT phải được ghi đầy đủ, trung thực. HĐQT có thể yêu cầu một thành viên HĐQT hoặc một người khác làm thư ký ghi biên bản. Nghị quyết HĐQT được thông báo tới các bên liên quan theo quy định Điều lệ Công ty.</p>	Phù hợp với mẫu Quy chế của Thông tư 95/2017 và Điều 30 Điều lệ Công ty.
	<i>(Các Điều 20. Các tiểu ban HĐQT; Điều 21. Thù lao HĐQT; Điều 22. Lựa chọn bổ nhiệm CBQL)</i>	<i>Bỏ</i>	<i>Phụ lục 2 của mẫu Quy chế của Thông tư 95/2017 không quy định.</i>
CHƯƠNG V	BAN KIỂM SOÁT VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	KIỂM SOÁT VIÊN	<i>Là Chương IV trước khi sửa đổi.</i>

	<i>(Các Điều từ 23 đến 28 được sửa đổi lại cho phù hợp với Phụ lục 2 của mẫu Quy chế ban hành kèm theo Thông tư 95/2017 như dưới đây)</i>		
Điều 21	Chưa quy định rõ	<p>Tiêu chuẩn Kiểm soát viên</p> <p>KSV phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>21.1 Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>21.2 Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.</p>	Phù hợp với mẫu Quy chế của Thông tư 95/2017 và Điều 37 Điều lệ Công ty.
Điều 22	Chưa quy định rõ	<p>Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử vào vị trí Kiểm soát viên</p> <p>22.1 Việc ứng cử, đề cử, bầu cử và bãi nhiệm KSV được thực hiện tương tự như việc ứng cử, đề cử, bầu cử, bãi nhiệm và miễn nhiệm thành viên HĐQT quy định tại khoản 25.1 và 25.2 Điều 25 của Điều lệ Công ty.</p> <p>22.2 Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHCĐ thông qua trước khi thực hiện.</p>	Phù hợp với mẫu Quy chế của Thông tư 95/2017 và Điều lệ Công ty.
Điều 23	Chưa quy định rõ	<p>Cách thức bầu Kiểm soát viên</p> <p>Việc bầu thành viên BKS phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc phân chia số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên khác.</p> <p>Trình tự thủ tục, cách thức bầu cử BKS được Công ty quy định và hướng dẫn cụ thể cho cổ đông tại Quy chế bầu cử thông qua trước ĐHCĐ.</p>	Phù hợp với mẫu Quy chế của Thông tư 95/2017 và Điều lệ Công ty và Điều 144 Luật DN 2014.
Điều 24	Chưa quy định rõ	<p>Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</p> <p>24.1 Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p>	Phù hợp với mẫu Quy chế của Thông tư 95/2017 và

		<p>a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;</p> <p>b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.</p> <p>24.2 Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.</p>	Điều 37 Điều lệ Công ty.
Điều 25	Chưa quy định rõ	<p>Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</p> <p>Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định Pháp luật chứng khoán.</p>	Phù hợp với mẫu Quy chế của Thông tư 95/2017 và Điều lệ Công ty.
CHƯƠNG VI	Chưa quy định rõ	CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT	
Điều 26		<p>Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>26.1 HĐQT có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập HĐQT/thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.</p> <p>26.2 Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban</p>	Phù hợp với mẫu Quy chế của Thông tư 95/2017 và Điều 31 Điều lệ Công ty.

		HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.	
CHƯƠNG VII	Chưa quy định	NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP	
Điều 27		<p>Các tiêu chuẩn của Người điều hành doanh nghiệp</p> <p>27.1 Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết HĐQT;</p> <p>27.2 Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm khẩn cấp để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p>	Phù hợp với mẫu Quy chế của Thông tư 95/2017 và Điều 33 và 34 Điều lệ Công ty.
Điều 28		<p>Tổng giám đốc.</p> <p>28.1 HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>28.2 Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>28.3 Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua; b) Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông 	Phù hợp với mẫu Quy chế của Thông tư 95/2017 và Điều 35 Điều lệ Công ty.

		<p>lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>c) Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>d) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</p> <p>e) Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;</p> <p>f) Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</p> <p>g) Trước ngày 30/11 hàng năm, trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</p> <p>h) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.</p> <p>i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động ký với Công ty.</p> <p>28.4 Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.</p> <p>28.5 HĐQT có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.</p>	
<p>Điều 29</p>		<p>Việc bổ nhiệm và ký hợp đồng với Người điều hành doanh nghiệp</p>	<p>Phù hợp với mẫu Quy chế của Thông tư 95/2017 và</p>

		<p>29.1 Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>29.2 Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do HĐQT quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.</p>	Điều 35 Điều lệ Công ty.
Điều 30		<p>Các trường hợp miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp Người điều hành doanh nghiệp bị miễn nhiệm trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động đã ký kết.</p>	Phù hợp với mẫu Quy chế của Thông tư 95/2017 và Điều 35 Điều lệ Công ty.
Điều 31		<p>Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp Thông báo về việc miễn nhiệm, bổ nhiệm Người điều hành doanh nghiệp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật chứng khoán.</p>	Phù hợp với mẫu Quy chế Thông tư 95/2017; Điều lệ Công ty.
CHƯƠNG VIII	PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS, BAN TGD	PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS, TGD	<i>Là Chương V trước khi sửa đổi</i>
Điều 32, 33, và 34	<p><i>Điều 29 (nêu dưới đây được sửa đổi thành các Điều 32, 33, 34 cho phù hợp quy định của mẫu Quy chế ban hành kèm theo Thông tư 95/2017):</i></p> <p>Điều 29: Thủ tục phối hợp giữa HĐQT, BKS và BTGD</p> <p>29.1. Hội đồng quản trị</p> <p>a. Chương trình, nội dung và dự kiến các vấn đề quyết nghị tại các cuộc họp của HĐQT đều được công khai đối với Ban Tổng giám đốc và BKS.</p> <p>b. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có yêu cầu bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn của một trong số các đối tượng dưới đây:</p>	<p>Điều 32: Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và TGD:</p> <p>32.1 Thành viên BKS, thành viên Ban TGD (không phải là thành viên HĐQT) có thể được triệu tập tham gia các cuộc họp của HĐQT khi HĐQT xét thấy việc tham gia này là cần thiết. Trong trường hợp này, Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu liên quan kèm theo đến BKS, Ban TGD ít nhất năm (05) ngày làm việc trước cuộc họp.</p> <p>32.2 Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có yêu cầu bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn của</p>	Phù hợp với mẫu Quy chế của Thông tư 95/2017; Điều lệ Công ty và Luật DN 2014.

<ul style="list-style-type: none"> - Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 5 cán bộ quản lý; - Chủ tịch HĐQT; - Ít nhất Hai thành viên HĐQT; - Đa số thành viên Ban kiểm soát. <p>29.2. Hoạt động giám sát của BKS</p> <p>a. BKS chịu trách nhiệm trước cổ đông của Công ty về các hoạt động giám sát của mình. BKS có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính của Công ty, tính hợp pháp trong các hành động của thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý, sự phối hợp giữa HĐQT với BKS, BTGD và cổ đông, các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, của Điều lệ Công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp cao nhất của Công ty và cổ đông.</p> <p>b. HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý có trách nhiệm cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của BKS để Ban Kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo qui định của Điều lệ.</p> <p>c. Mọi đề xuất, hành động trong phạm vi quyền hạn của Ban Kiểm soát phải được HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo thực hiện.</p> <p>d. BKS có nghĩa vụ bảo mật tuyệt đối các thông tin thu được trong quá trình giám sát hoạt động công ty.</p> <p>29.3. Ban Tổng Giám đốc</p> <p>Báo cáo HĐQT và BKS về việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT; báo cáo thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và điều hành Công ty và các báo cáo khác theo yêu cầu cụ thể của HĐQT hoặc BKS.</p> <p>29.4. Trong trường hợp cần thiết, Công ty sẽ xây dựng quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý bao gồm các nội dung chính sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá. 	<p>một trong số các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban kiểm soát; - Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác; - Thành viên độc lập HĐQT; - Ít nhất hai (02) thành viên HĐQT. - Các trường hợp khác nếu có. <p>Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 32.2 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty.</p> <p>32.3 Khi cần thiết, Trưởng BKS có thể mời một số thành viên HĐQT và thành viên Ban TGD tham dự cuộc họp của BKS để tham vấn những vấn đề liên quan. Trong trường hợp này, Thư mời phải được gửi cho những thành phần được mời ít nhất năm (05) ngày làm việc trước cuộc họp.</p> <p>32.4 Khi cần thiết, TGD có thể mời một số thành viên HĐQT, thành viên BKS tham dự cuộc họp của Ban TGD để tham vấn những vấn đề liên quan. Trong trường hợp này, Thư mời phải được gửi cho những thành phần được mời ít nhất năm (05) ngày làm việc trước cuộc họp.</p> <p>Điều 33: Vấn đề báo cáo và cung cấp thông tin:</p> <p>33.1 Thành viên HĐQT, TGD và cán bộ quản lý các cấp phải cung cấp tất cả thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động Công ty theo yêu cầu của BKS. Yêu cầu phải được lập thành văn bản và có chữ ký của Trưởng BKS.</p> <p>33.2 Trường hợp cần thiết, Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu TGD, Phó TGD, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.</p> <p>33.3 TGD báo cáo HĐQT và BKS về việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT; báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và điều hành Công ty và các</p>	
---	---	--

	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng hệ thống khen thưởng và kỷ luật - Tổ chức bộ máy đánh giá, khen thưởng và kỷ luật. <p>Tổ chức thực hiện.</p>	<p>báo cáo khác theo yêu cầu cụ thể của HĐQT hoặc BKS.</p> <p>Điều 34: Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các thành viên BKS và TGD:</p> <p>34.1 Các thành viên HĐQT, BKS và TGD sẽ thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty.</p> <p>34.2 Trường hợp cần thiết, các thành viên HĐQT, BKS và TGD có thể thông tin ngay (trực tiếp hoặc qua điện thoại, email) cho nhau, đảm bảo giải quyết công việc thuận lợi và hiệu quả.</p>	
	(Điều 30, 31 của Điều lệ liên quan đến Cổ đông lớn và Thư ký Công ty)	Bỏ	Mẫu Quy chế nội bộ ban hành kèm Thông tư 95/2017 không quy định.
CHƯƠNG IX	Chưa quy định	NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	
Điều 35	Chưa quy định	<p>Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty:</p> <p>HĐQT Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm.</p> <p>Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Có hiểu biết về pháp luật; b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty; c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và quyết định của HĐQT. 	Phù hợp với mẫu Quy chế nội bộ ban hành kèm Thông tư 95/2017, Điều lệ Công ty và Luật DN 2014.
Điều 36	Chưa quy định	<p>Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty:</p> <p>36.1 Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông.</p> <p>36.2 Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu</p>	Phù hợp với mẫu Quy chế nội bộ ban hành kèm

		<p>cầu của HĐQT hoặc BKS.</p> <p>36.3 Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.</p> <p>36.4 Tham dự các cuộc họp.</p> <p>36.5 Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp.</p> <p>36.6 Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty.</p> <p>36.7 Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>36.8 Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	Thông tư 95/2017, Điều lệ Công ty và Luật DN 2014.
Điều 37	Chưa quy định	<p>Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và công bố thông tin Người phụ trách quản trị công ty:</p> <p>Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty do HĐQT Công ty quyết định và phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	Phù hợp với mẫu Quy chế nội bộ ban hành kèm Thông tư 95/2017, Điều lệ Công ty và Luật DN 2014.
CHƯƠNG X <i>(Là Chương VI trước khi sửa đổi)</i>	NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY	NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	Phù hợp với quy định Chương V của Nghị định 71/2017.
Điều 38	Chưa quy định rõ	<p>Trách nhiệm cẩn trọng</p> <p>Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiêu ban của HĐQT, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.</p>	Phù hợp Điều 39 Điều lệ Công ty và Luật DN 2014.
Điều 39 <i>(Là Điều 32, Chương VI trước khi sửa đổi)</i>	<p>Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc:</p> <p>32.1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và những người liên quan không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được</p>	<p>Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>39.1 Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</p> <p>39.2 Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và</p>	Phù hợp Điều 40 Điều lệ Công ty và Luật DN 2014.

<p>nờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>32.2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị những hợp đồng giữa công ty với chính thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó. Những đối tượng này được tiếp tục thực hiện hợp đồng khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.</p> <p>32.3. Công ty không được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và những người có liên quan hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà các đối tượng trên có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>32.4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, kể cả trong trường hợp lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị trong giao dịch này chưa được xác định và cho dù đó là lợi ích vật chất hay phi vật chất. Các giao dịch nêu trên phải được trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính cùng kỳ và công bố trong Báo cáo thường niên.</p> <p>32.5. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý hay người có liên quan với các đối tượng trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty để tiết lộ cho người khác hay để tự mình tiến hành các giao dịch có liên quan</p>	<p>người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>39.3 Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p> <p>39.4 Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p> <p>39.5 Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới HĐQT, Đồng thời, HĐQT đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan.</p>	
---	--	--

		<p>b) Đối với hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này.</p> <p>c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan</p>	
Điều 40	<i>Chưa quy định rõ</i>	<p>Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>40.1 Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>40.2 Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên HĐQT, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu</p>	Phù hợp Điều 41 Điều lệ Công ty và Luật DN 2014.

		<p>thuần với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình</p> <p>40.3 Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p> <p>b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p> <p>40.4 Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	
	(Các Điều 33, 34, 35)	Bỏ	Mẫu Quy chế nội bộ ban hành kèm Thông tư 95/2017 không quy định.
CHƯƠNG XI	CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH	BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Phù hợp với Nghị định 71/2017 (là Chương VIII trước khi sửa đổi)
Điều 41 (là Điều 36 trước khi sửa đổi)	<p>Công bố thông tin thường xuyên</p> <p>36.2 Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.</p>	<p>Nghĩa vụ công bố thông tin</p> <p>41.2 Việc công bố thông tin được thực hiện đảm bảo cổ đông và công chúng có thể tiếp cận công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.</p>	Sửa đổi lại tên Điều và khoản 2 cho phù hợp với Điều 28 Nghị định 71/2017.
Điều 42, 43, 44	Điều 37: Công bố thông tin về tình hình quản trị công ty	Điều 42: Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý Công	Sửa đổi, bổ sung cho phù

<p>và 45 (là Điều 37, 38 trước khi sửa đổi)</p>	<p>37.1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty trong các kỳ Đại hội đồng cổ đông hàng năm, trong báo cáo thường niên của công ty, tối thiểu phải bao gồm những thông tin sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; b. Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; c. Những kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty; d. Thù lao và chi phí cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát; e. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên; f. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đã tham gia đào tạo về quản trị công ty; g. Những điểm chưa thực hiện theo quy định của Quy chế, nguyên nhân và giải pháp. <p>37.2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ quý, năm và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.</p> <p>Điều 38: Công bố thông tin về các cổ đông lớn</p> <p>38.1. Công ty có trách nhiệm tổ chức công bố thông tin định kỳ về từng cổ đông lớn gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Tên, năm sinh (cổ đông cá nhân); b. Địa chỉ liên lạc; c. Nghề nghiệp (cổ đông cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông tổ chức); d. Số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu trong công ty; e. Tình hình biến động về sở hữu của các cổ đông lớn; f. Những thông tin có thể dẫn tới sự thay đổi lớn về cổ đông của công ty; 	<p>ty</p> <p>Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty theo quy định tại Điều 134 Luật doanh nghiệp. Trường hợp công ty thay đổi mô hình hoạt động, Công ty phải báo cáo và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi mô hình theo quy định của Luật chứng khoán.</p> <p>Điều 43: Công bố thông tin về quản trị Công ty</p> <p>43.1 Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>43.2 Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ 06 tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>Điều 44. Công bố thông tin về thu nhập của TGD</p> <p>Tiền lương của TGD và người quản lý khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p> <p>Điều 45. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên HĐQT, KSV, TGD</p> <p>45.1 Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên HĐQT, TGD trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;</p> <p>45.2 Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên HĐQT, TGD hoặc cổ đông lớn.</p>	<p>hợp với các Điều 29, 30, 31, 32 Nghị định 71/2017 và Luật DN 2014.</p>
--	--	--	---

	<p>g. Tình hình tăng, giảm cổ phiếu và cầm cố, thế chấp cổ phiếu công ty của các cổ đông lớn.</p> <p>38.2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ quý, năm và công bố thông tin về tình hình biến động cổ đông theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.</p>		
	(Điều 39)	Bỏ	Mẫu Quy chế nội bộ ban hành kèm Thông tư 95/2017 không quy định.
CHƯƠNG XII	CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM	GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM	<i>Phù hợp quy định Nghị định 71/2017. (Chương IX trước khi sửa đổi)</i>
Điều 46, 47 (là Điều 40, 41, 42 trước khi sửa đổi)	<p>Điều 40: Báo cáo Định kỳ hàng năm, công ty có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về việc thực hiện quản trị công ty theo quy định của Quy chế với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>Điều 41: Giám sát Công ty, các cá nhân, tổ chức liên quan và các cổ đông công ty phải chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>Điều 42: Xử lý vi phạm Công ty, các cá nhân, tổ chức liên quan và các cổ đông công ty vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại quy chế này mà không công bố thông tin và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định tại Quy chế này sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại nghị định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>Điều 46: Giám sát 46.1 Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hoạt động quản trị công ty của công ty và giải trình các sự việc liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</p> <p>46.2 Công ty và các tổ chức, cá nhân liên quan phải chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>Điều 47: Xử lý vi phạm Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại Quy chế này mà không công bố thông tin và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định tại Quy chế này sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại nghị định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp Điều 34, 35 Nghị định 71/2017 và nội dung của Quy chế sửa đổi này
CHƯƠNG XIII	Chưa quy định	ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI CÁN BỘ QUẢN LÝ <i>(Bổ sung theo quy định mẫu Quy chế nội bộ ban hành kèm theo Thông tư 95/2017)</i>	

<p>Điều 48</p>		<p>Phương thức, tiêu chí đánh giá hoạt động</p> <p>48.1 Phương thức đánh giá hoạt động:</p> <p>a) Tùy thuộc vào quy định của HĐQT, công tác đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác (do HĐQT Công ty bổ nhiệm) có thể được tiến hành theo một hoặc một số phương thức: Tự nhận xét, đánh giá; Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm; Cách thức khác do HĐQT Công ty quyết định.</p> <p>b) Đối với các cán bộ quản lý khác không thuộc đối tượng HĐQT Công ty bổ nhiệm, thì TGD quyết định phương thức, quy trình tổ chức và thực hiện đánh giá hoạt động, báo cáo HĐQT kết quả thực hiện đánh giá khi có yêu cầu.</p> <p>48.2 Tiêu chí đánh giá hoạt động:</p> <p>a) HĐQT đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên hàng năm dựa theo chức năng, nhiệm vụ HĐQT quy định tại Điều lệ Công ty và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.</p> <p>b) BKS đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên hàng năm dựa theo chức năng, nhiệm vụ BKS quy định tại Điều lệ Công ty và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.</p> <p>c) HĐQT đánh giá kết quả và hiệu quả điều hành của TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác liên quan hàng năm dựa trên cơ sở đánh giá kết quả, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty, có tham khảo ý kiến của Trưởng BKS.</p> <p>d) Đối với các cán bộ quản lý khác không thuộc đối tượng HĐQT Công ty bổ nhiệm, thì TGD quyết định việc đánh giá.</p>	
<p>Điều 49</p>		<p>Điều 49: Khen thưởng, kỷ luật</p> <p>49.1 Khen thưởng:</p> <p>a) HĐQT quyết định khen thưởng đối với các chức danh quản lý do HĐQT Công ty bổ nhiệm.</p> <p>b) TGD quyết định khen thưởng đối với các chức danh quản lý do TGD Công ty bổ nhiệm.</p> <p>c) Việc khen thưởng đối với thành viên HĐQT, KSV do ĐHCĐ Công ty quyết định tại cuộc họp ĐHCĐ thường niên.</p> <p>49.2 Kỷ luật:</p> <p>a) Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, thành viên Ban TGD và cán bộ quản lý trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao mà vi phạm quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy</p>	

		<p>định khác của Công ty thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và Công ty.</p> <p>b) HĐQT có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do HĐQT bổ nhiệm. TGD có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do TGD bổ nhiệm.</p> <p>c) Nguyên tắc xử lý kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo quy định của Công ty và quy định pháp luật lao động</p>	
<p>CHƯƠNG XIV (Là Chương X trước khi sửa đổi)</p> <p>Điều 50, 51</p>	<p>SỬA ĐỔI QUY CHẾ VÀ HIỆU LỰC CỦA QUY CHẾ</p> <p>Điều 43: Sửa đổi Quy chế quản trị công ty</p> <p>43.1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị quyết định. Các nội dung sửa đổi, bổ sung phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.</p> <p>43.2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong những trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định đó của Pháp luật đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh.</p> <p>Điều 44: Ngày hiệu lực</p> <p>44.1. Quy chế này gồm X chương, 44 điều, được Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Ba nhất trí thông qua toàn văn của Quy chế này để ban hành áp dụng trong Công ty.</p> <p>44.2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>44.3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị mới có giá trị</p>	<p>ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</p> <p>Điều 50: Sửa đổi, bổ sung Quy chế</p> <p>50.1 Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do HĐQT Công ty xem xét, quyết định. Các nội dung sửa đổi, bổ sung phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.</p> <p>50.2 Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong những trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định đó của Pháp luật đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh.</p> <p>Điều 51: Ngày hiệu lực</p> <p>51.1 Quy chế này gồm XIV chương, 51 Điều được cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên Công ty năm 2018 nhất trí thông qua vào ngày tháng ... năm 2018 tại số 573 Núi Thành, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này để ban hành áp dụng trong Công ty.</p> <p>51.2 Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>51.3 Quy chế này được lập thành 06 bản, có giá trị như nhau. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên HĐQT Công ty mới có giá trị.</p>	<p>Phù hợp quy định Thông tư 95/2017 và thực tế của Quy chế sửa đổi.</p>